TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2024
V/v tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **ÂU THỊ THẢO**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**
2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

-Thư ký phiên tòa: Ông **HỨA QUỐC THÁI** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên toà.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 621/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **TRẦN THỊ C,** sinh năm 1992
Địa chỉ: ấp Nguyễn Kh, xã Hậu Thạnh T, huyện Tân Th, tỉnh Long A
2. Bị đơn: Anh **THÂN MINH Đ,** sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp Mỹ T B, xã Hậu Mỹ Tr, huyện Cái B, tỉnh Tiền G
(Chị C có mặt, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Tòa nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày: Chị và anh Thân Minh Đ chính thức xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Thạnh T, huyện Tân Th, tỉnh Long A. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ có người phụ nữ khác ở bên ngoài nên vợ chồng đã chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 01 con chung tên Thân Nhã Á, sinh ngày 08/4/2018 hiện cháu đang sống với chị C. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Á và không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thân Minh Đ không có văn bản ý kiến và vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Anh Thân Minh Đ vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị C và anh Đ do quen biết có tìm hiểu trước tiến tới xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Thạnh T, huyện Tân Th, tỉnh Long A. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C xác định vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ có người phụ nữ khác ở bên ngoài nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh Đ. Xét thấy, cho chị C được ly hôn anh Đ là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi ly thân cho tới nay anh chị cũng không có phương án nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị C khẳng định không còn tình cảm với anh Đ. Đồng thời, trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Đ để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh, cũng như hoà giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh Đ vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị C nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, yêu cầu xin ly hôn của chị C là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, cho chị được ly hôn anh Đ là phù hợp theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị C và anh Đ có 01 con chung tên Thân Nhã Á, sinh ngày 08/4/2018, hiện do chị C nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Á. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Á hiện đang sống chung với chị C ổn định từ khi sinh ra cho đến nay. Do đó, để tránh xáo trộn tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển của cháu Á nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Á cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[5] *Về tài sản chung:* Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và tại phiên tòa, chị C xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết cũng như

anh Đ không có ý kiến gì liên quan đến tài sản chung nên không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[6] *Về nợ chung:* Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và tại phiên tòa, chị C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết cũng như anh Đ không có ý kiến gì liên quan đến nợ chung nên không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[7] *Về án phí:* Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị C. Cho chị Trần Thị C được ly hôn anh Thân Minh Đ.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Thân Nhã Á, sinh ngày 08/4/2018 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thân Minh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0013101 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị C được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Đối với anh Thân Minh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hậu Thạnh Tây, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu: TDS, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ÂU THỊ THẢO

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 8 tháng 01 năm 2024
Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà ÂU THỊ THẢO
Các Hội thẩm nhân dân: Ông……
Ông……

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 621/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **TRẦN THỊ CẨM,** sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp Nguyễn Khỏe, xã Hậu Thạnh Tây, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh **THÂN MINH ĐIỀN,** sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp Mỹ Tường B, xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Sau khi bàn bạc thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 (100%):

Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Cẩm. Cho chị Trần Thị Cẩm được ly hôn anh Thân Minh Điền.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Về con chung: Giao 01 con chung tên Thân Nhã Ái, sinh ngày 08/4/2018 cho chị Cẩm trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thân Minh Điền không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Cẩm không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Điền có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0013101 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như thi hành xong.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Cẩm được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Đối với anh Thân Minh Điền được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi….giờ….phút, ngày 8 tháng 1 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**